TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST Ngày 26- 06 - 2018 V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 02/2018/TB-TA ngày 07 tháng 06 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1992, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 5, ô 2, ấp B, xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1994, vắng mặt;

Địa chỉ: Ô 3, ấp Đ, xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 12 năm 2014 tại UBND xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một năm đầu, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt và sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17-08-2015. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V:

Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông V vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập ý kiến trình bày của ông V. Theo xác nhận của Công an xã HL, thành phố B hiện nay ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ô 3, ấp Đ, xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn được UBND xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17-12-2014. Quá trình chung sống giữa hai ông bà không hạnh phúc do không hợp tính tính, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Theo kết quả xác minh tại địa phương không xác định nguyên nhân vì sao phát sinh mâu thuẫn nhưng đều xác nhận hiện nay bà H, ông V đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có phân tích động viên bà H trở về đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý và mong muốn được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông V đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu của bà H xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17-08-2015. Từ khi vợ chồng ly thân bà H trực tiếp nuôi con, việc bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí sơ thẩm:* Do bà H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn V về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 17-08-2015 đến tuổi trưởng thành (đủ18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Ngọc H về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Lê Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0001293 ngày 29 tháng 03 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, bà Lê Thị Ngọc H đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THA Dân sự TP Bà Rịa;
- UBND xã HL, TP. B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Yến Oanh